

GIÁO ÁN NGŨ VĂN 7 KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(HỌC KÌ 1)

BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ

(13 tiết)

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*, học sinh (HS) có thể:

I. Về năng lực

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

– Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

– Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

– Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

– Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

– Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

II. Về phẩm chất

Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị trước giờ học của HS
Độc hiểu Văn bản 1: <i>Bầy chim chìa vôi</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc trước phần <i>Tri thức Ngữ văn</i> trong SGK (tr.10). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
Thực hành tiếng Việt (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình...	– Đọc trước mục <i>Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ</i>

	– Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	trong <i>Tri thức ngữ văn</i> (tr.10) và ô Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ (tr.17).
Văn bản 2: <i>Đi lấy mật</i> (2 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	Thực hiện phiếu học tập.
Thực hành tiếng Việt (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Xem lại nội dung tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu (bài 3, <i>Ngữ văn 6</i>)
Văn bản 3 <i>Ngàn sao làm việc</i> và hướng dẫn Thực hành đọc (1 tiết)	Phương tiện: SGK, phiếu học tập.	Thực hiện các nhiệm đọc hiểu được giao.
Viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài (3 tiết)	– Phương pháp: Dạy học theo mẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi tìm làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu học tập	Đọc yêu cầu đối với văn bản tóm tắt, đọc bài tóm tắt tham khảo.
Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm (2 tiết)	– Phương pháp: làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chí.	Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK, tr. 30 – 31)

I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC

– HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

2. Nội dung:

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

4. Tổ chức thực hiện:

¹ Khám phá “tri thức ngữ văn” giúp HS có tri thức công cụ để đọc hiểu văn bản. Vì thế, có thể được tổ chức dạy học trong hoạt động *Tìm hiểu chung* khi học VB1.

Thực hiện nhiệm vụ: – HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm. – GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp. Báo cáo, thảo luận: GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Các nhóm khác nhận xét. Kết luận, nhận định: GV nhấn mạnh lại các khái niệm về đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB.	– HS chia sẻ các chi tiết tùy theo lựa chọn cá nhân.
---	---

II. ĐỌC VĂN BẢN 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI

(Nguyễn Quang Thiều)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.
2. Nội dung: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.
3. Sản phẩm: câu trả lời của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Giao nhiệm vụ: GV nêu nhiệm vụ: <i>Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ mà em nhớ mãi. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.</i> Thực hiện nhiệm vụ: – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu. – Lưu ý, nếu không nhớ trải nghiệm tuổi thơ thì có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua. Báo cáo, thảo luận: Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật. Kết luận, nhận định: – GV cũng có thể (không nhất thiết) chia sẻ cùng HS về trải nghiệm tuổi thơ của chính mình, kết nối với bài học: <i>Qua việc đọc VB “Bầy chim chìa vôi” ở nhà, em có biết Mên và</i>	Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tùy theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân).

Mon có trải nghiệm tuổi thơ đáng nhớ nào không? Em có thích trải nghiệm đó không? Vì sao?

– GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu:

– HS nhận biết được đề tài, ngôi kể, nhân vật, các sự kiện chính; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, qua đó nắm được tính cách nhân vật.

– Kết nối VB với trải nghiệm cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu thiên nhiên, sự trân trọng đối với đời sống của muôn loài.

2. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung – Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1). – Hướng dẫn HS bước đầu định hướng cách đọc văn bản <i>Bầy chim chìa vôi</i>: <i>Em đã biết thế nào là truyện, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật... Dựa vào những hiểu biết này, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu văn bản “Bầy chim chìa vôi”?</i> 2. Khám phá văn bản a. Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện Giao nhiệm vụ: – GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết đề tài, ngôi kể, nhân vật trong truyện. – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Dựa trên kết quả của phiếu học tập số 2, tóm tắt bằng lời câu chuyện trong văn bản <i>Bầy chim chìa vôi</i>.	1. Tìm hiểu chung a. Tác giả – Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957 tại Hà Nội. – Ông từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế. b. Cách đọc hiểu văn bản truyện 2. Khám phá văn bản a. Tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện – Truyện kể về hai nhân vật Mên và Mon. Nội dung câu chuyện xoay xung quanh sự lo lắng, quan tâm của Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi giữa lúc nước sông đang dâng cao. – Đề tài về thế giới tuổi thơ. – Câu chuyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba. – Các sự kiện chính trong câu chuyện: + Mên và Mon tỉnh giấc khi bên ngoài trời đang mưa to, nước sông dâng cao. Cả hai lo

– GV yêu cầu HS: Từ việc đọc văn bản ở nhà và tóm tắt cốt truyện, em hãy chọn đọc diễn cảm một đoạn trong văn bản mà em thấy thích nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó; chỉ ra tác dụng của các thẻ chỉ dẫn trong đoạn VB em đọc (nếu có).

– GV yêu cầu HS trao đổi về những từ ngữ khó trong VB.

Thực hiện nhiệm vụ:

– HS trả lời câu hỏi.

– HS đọc diễn cảm một số đoạn được chọn trong VB, chú ý sử dụng các thẻ chỉ dẫn đọc ở bên phải VB.

– Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB.

Báo cáo, thảo luận:

– HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm.

– HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích.

Kết luận, nhận định:

GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về đề tài, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện.

b. Tìm hiểu nhân vật Mên và Mon

Giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nhóm. Một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 3 tìm hiểu nhân vật Mon, một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 4 tìm hiểu nhân vật Mên.

Thực hiện nhiệm vụ:

– HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, thống nhất kết quả của nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV quan sát, hỗ trợ HS.

Báo cáo, thảo luận:

Đại diện khoảng 3 nhóm trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 3, 4 và thảo luận.

Kết luận, nhận định:

– GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.

lắng cho bầy chim chìa vôi non ngoài bãi sông.

+ Mên và Mon muốn đưa bầy chim non vào bờ.

+ Hai anh em tìm cách xuống dòng ra bãi cát để mang bầy chim vào bờ nhưng không được, đành quay lại quan sát.

+ Bầy chim chìa vôi non đã bay lên được, thoát khỏi dòng nước khổng lồ trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em.

– Giải thích nghĩa của từ được chú thích trong SGK. HS có thể nêu thêm những từ khó khác.

b. Tìm hiểu nhân vật Mên và Mon

Nhân vật Mon:

– Lời nói: *Có lẽ sắp ngập mắt bãi cát rồi; Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mắt; Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?; Tổ chim ngập mắt anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.*

– Cử chỉ, hành động: không ngủ, nằm im lặng; liên tục hỏi anh làm thế nào để mang chim vào bờ; xuống dòng cùng anh.

– Tâm trạng, suy nghĩ: lo lắng, sợ nước sông dâng ngập bãi cát, bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối.

– Nhận xét về Mon: Cậu bé có tâm hồn trong sáng, nhân hậu, biết yêu thương loài vật, trân trọng sự sống.

Nhân vật Mên:

– GV kết nối với phần *Tri thức ngữ văn* để HS hiểu hơn về chi tiết, tính cách nhân vật bằng câu hỏi:

+ Nếu em là Mên và Mon em có ra bến đò không? Vì sao?

+ Qua những tìm hiểu trên, em nhận thấy chi tiết trong truyện có vai trò như thế nào?

+ Làm cách nào để xác định tính cách của nhân vật?

– GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống.

c. Tìm hiểu đoạn kết truyện

Giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS đọc đoạn cuối truyện (*Từ Khi ánh bình minh đã đủ sáng đến hết*) và thực hiện các nhiệm vụ sau:

– Hình dung, tưởng tượng và miêu tả lại hình ảnh “huyền thoại” mà Mên và Mon chứng kiến bằng bằng lời văn của em (Chú ý miêu tả thời gian, không gian, cảnh vật, tập trung vào hình ảnh bầy chim chìa vôi)

– Đọc đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh, em ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao?

– Trong đoạn kết, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Theo em, điều gì đã khiến các nhân vật có cảm xúc như vậy?

Thực hiện nhiệm vụ:

– HS đọc và tự chọn chi tiết ấn tượng nhất đối với bản thân. HS làm việc cá nhân.

– GV gợi ý HS tự đặt mình vào hoàn cảnh nhân vật để lí giải.

Báo cáo, thảo luận:

HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận.

Kết luận, nhận định:

– GV nhận xét, đánh giá chung, nhấn mạnh những chi tiết hay, những cách cảm nhận, lí giải sâu sắc và tinh tế.

– Lời nói: *Thế làm thế nào bây giờ?; Chứ còn sao; Nào, xuống đò được rồi đây; Phải kéo về bến chứ, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mày đây...*

– Cử chỉ, hành động: không ngủ, nằm im lặng, quyết định xuống đò cùng em; giọng tỏ vẻ người lớn; quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo;....

– Tâm trạng, suy nghĩ: lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, bình tĩnh bảo vệ em và con đò.

– Nhận xét về nhân vật Mên: Thể hiện mình là người sống có trách nhiệm, biết suy nghĩ, hành động dứt khoát, bình tĩnh, quan tâm, bảo vệ em, yêu loài vật.

– HS trả lời theo cảm nhận, suy nghĩ riêng.

– HS vận dụng “tri thức ngữ văn” và nội dung đã điền trong phiếu học tập để trả lời về vai trò của các chi tiết trong truyện và cách để xác định tính cách nhân vật.

c. Tìm hiểu đoạn kết truyện

– HS hình dung và miêu tả theo sự sáng tạo riêng: cảnh tượng như huyền thoại vì bầy chim chìa vôi non bé bỏng không bị chết đuối mà vụt bay lên, bứt khỏi dòng nước không lồ một cách ngoạn mục, trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em.

– Tùy vào cảm nhận, mỗi HS có lí do riêng để chọn chi tiết mình thích, chẳng hạn: khoảnh khắc bầy chim chìa vôi cất cánh, chi tiết miêu tả bầy chim non,...

– Mỗi HS sẽ có những cách lí giải riêng, có thể:

+ Mên và Mon đã quá lo lắng cho bầy chim chìa vôi, nhìn thấy chúng an toàn cả hai cảm thấy vui sướng, hạnh phúc.

+ Vui mừng, xúc động khi bầy chim được an toàn.

3. Tổng kết

– Liên hệ thực tế, gợi dẫn đến vẻ đẹp của lòng dũng cảm; của những khoảnh khắc con người vượt qua gian nan, thử thách để trưởng thành,... 3. Tổng kết – <i>Nêu nội dung chính của truyện “Bầy chim chìa vôi”.</i> – <i>Điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của truyện?</i> – <i>Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?</i> GV kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài.	– Truyện kể về tình cảm của hai anh em Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi. – Về sức hấp dẫn của truyện: + Lời thoại, cử chỉ, hành động, suy nghĩ chân chất, mộc mạc, mang nét hồn nhiên trẻ thơ của nhân vật. + Các sự việc đậm chất đời thường, gần gũi với trẻ thơ, đặc biệt là những việc làm giàu tính nhân văn. + Nghệ thuật miêu tả tinh tế, đầy chất thơ, nhiều cảm xúc. – HS nêu nhận thức riêng về sự tác động của truyện đến bản thân. – Câu trả lời về những yếu tố cần chú ý khi đọc một VB truyện: + Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng. + Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động,...) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện.
--	---

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, kỹ năng đã học.
2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.
3. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
1. Luyện tập đọc hiểu Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau: <i>Khi đọc một VB truyện, em cần chú ý những yếu tố nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ. Báo cáo, thảo luận: Khoảng 3, 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm, nhấn mạnh cho HS một số kỹ năng đọc hiểu. 2. Viết kết nối với đọc	– Câu trả lời: + Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng. + Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động,...) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện.

Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: <i>Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất).</i> Thực hiện nhiệm vụ: Hướng dẫn HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; chú ý thay đổi lời kể theo ngôi thứ nhất, lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn. Báo cáo, thảo luận: Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau: – Nội dung: Kể đúng nội dung sự việc, đảm bảo đầy đủ, chính xác của các chi tiết – Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất – Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt – Dung lượng: Đoạn văn khoảng 5- 7 câu Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.	Đoạn văn của HS bảo đảm đúng yêu cầu.
---	--

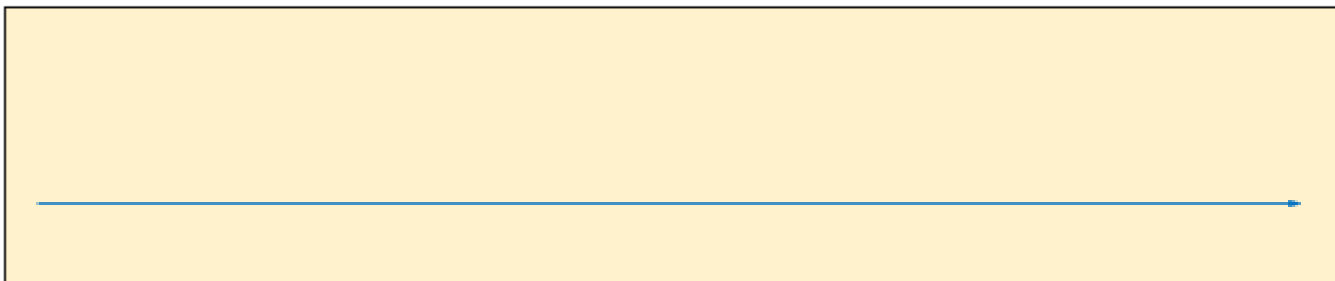
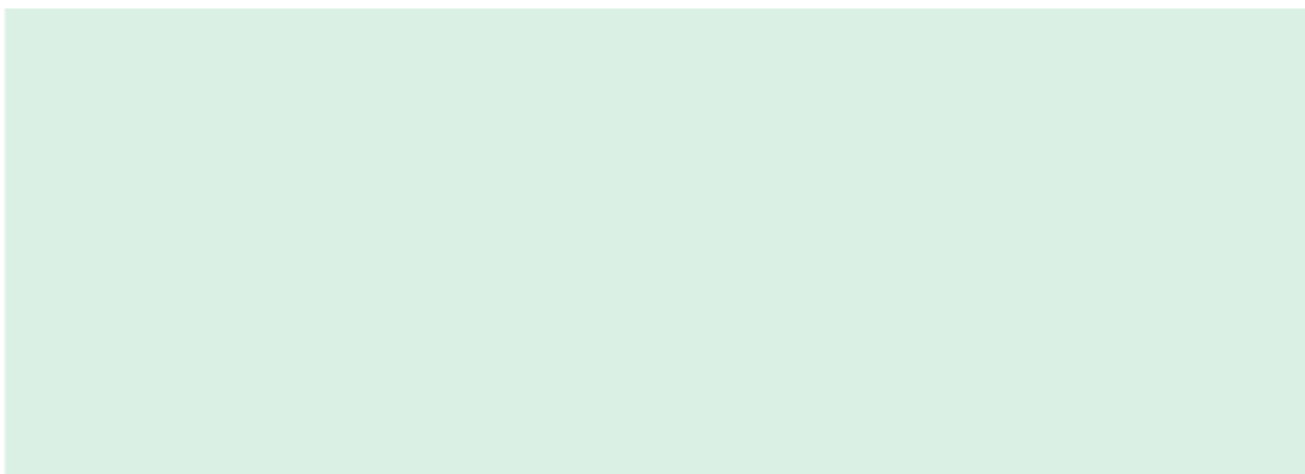
Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.
2. Nội dung: Vẽ tranh, tự chọn đọc một VB truyện có chủ đề về thế giới tuổi thơ.
3. Sản phẩm: Nhật kí đọc sách.
4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà: – <i>Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong văn bản “Bầy chim chìa vôi” mà em ấn tượng.</i> – <i>Tìm đọc một truyện ngắn có chủ đề về thế giới tuổi thơ và điền thông tin phù hợp vào nhật kí đọc sách do em thiết kế theo mẫu gợi ý. Chuẩn bị chia sẻ kết quả đọc mở rộng của em với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp.</i>	– Tranh vẽ của HS. – Nhật kí đọc sách, chuẩn bị cho phần trao đổi ở tiết Đọc mở rộng.

Thực hiện nhiệm vụ:

HS tự tìm đọc một truyện ngắn theo yêu cầu, nhận biết đề tài, chi tiết, ấn tượng chung về nhân vật và ghi lại kết quả đọc vào nhật kí đọc sách; chuẩn bị trao đổi kết quả đọc ở tiết Đọc mở rộng.

Phụ lục phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

1. Đọc kĩ văn bản và tìm hiểu nhân vật Mon theo gợi ý dẫn

--



2.1. Em cảm nhận như thế nào về tính cách nhân vật Mon?

2. Làm việc theo nhóm 4 thành viên để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 và

BÀI 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN

Độc - hiểu văn bản(2)

GẶP LÁ CƠM NẾP(2 tiết)

– Thanh Thảo–

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

1. Về năng lực

* *Năng lực chung*

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong hoạt động luyện tập

* *Năng lực đặc thù*

- Đọc diễn cảm bài thơ “ *Gặp lá cơm nếp*”[1]
 - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ.[2]
 - Nêu được ấn tượng chung về nhà văn Thanh Thảo và văn bản “*Gặp lá cơm nếp*”[3]
 - Nhận biết được biện pháp nghệ thuật và tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong văn bản “*Gặp lá cơm nếp*”[4]
 - Phân tích, suy luận được những nội dung ý nghĩa của bài thơ: Tình cảm gia đình gắn với tình yêu quê hương, đất nước.[5]
 - Thấy được: Nỗi nhớ quê của người con xa quê và hình ảnh người mẹ trong kí ức người con.[6]
 - Viết được đoạn văn nêu cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “ *Gặp lá cơm nếp*”[7]
 - Bước đầu biết làm một bài thơ năm chữ, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ.[8]
- 2. Về phẩm chất:** Tình yêu quê hương, gia đình, sự gắn bó với những sự vật quen thuộc ở quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà thơ Thanh Thảo và văn bản “Gặp lá cơm nếp”.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')

- a. **Mục tiêu:** HS huy động trải nghiệm của hs về xôi- một trong những món ăn quen thuộc của người Việt từ đó kết nối với văn bản.

b. **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu các hình ảnh về món xôi nếp và lá cây cơm nếp

?Em hãy chia sẻ cảm nhận của mình về hương vị của món xôi em đã thưởng thức

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát các hình ảnh về món xôi nếp và lá cây cơm nếp và chia sẻ cảm nhận của mình

B3: Báo cáo, thảo luận

HStrả lời câu hỏi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Kết nối vào nội dung đọc - hiểu văn bản.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc - hiểu văn bản

I. Tìm hiểu chung (15')	
Mục tiêu: [1]; [2]; [3] GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản. HS dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Đọc	1. Đọc văn bản

- Hướng dẫn đọc diễn cảm, chú ý ngữ điệu, chú ý những câu cần đọc với ngữ điệu đặc biệt

+ Đọc giọng to, rõ ràng diễn cảm. Chú ý khi đọc dòng thơ “*Ôi mùi vị quê hương*” lưu ý cách ngắt nhịp 1/4 nhấn mạnh vào thán từ *ôi* để biểu đạt tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho quê hương và người mẹ.

Gv đọc mẫu, yêu cầu 3 hs đọc bài thơ gv nhận xét, điều chỉnh cách đọc, giọng đọc.

2. Tác giả

- Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).

Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà đã chuẩn bị và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.

Họ và tên Lớp

Phiếu học tập số 1

I. Tìm hiểu về tác giả Thanh thảo

.....

.....

.....

II. Tìm hiểu về tác phẩm

1. Thể loại

.....

2. Phương thức biểu đạt chính

.....

3. Nội dung

.....

.....

4. Bố cục.

2. Tác giả: Thanh Thảo



Sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi.

Ông là một nhà thơ, nhà báo được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và thời hậu chiến:

Những tác phẩm chính: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trắng cỏ* (1978), *Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khởi vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988).

?Trình bày những nét cơ bản về nhà thơ Thanh Thảo

HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.

B4: Kết luận, nhân định

HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

GV:- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

? Văn bản “Gặp lá cơm nếp” thuộc thể thơ ?

? Phương thức biểu đạt chính

? Nội dung bài thơ?

? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Thể loại: Thể thơ 5 chữ

Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

1. Hướng dẫn hs tìm hiểu thể loại
2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:

- Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:

- Trả lời các câu hỏi của GV.
- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.

Gv yêu cầu hs thực hiện phiếu học tập số 2: Giao ở tiết học trước.

Họ và tên

Lớp

Phiếu học tập số 2

Gv gọi hs trình bày phiếu HT của mình
Hs khác nhận xét- Gv bổ sung

Văn bản	<i>Đồng dao mùa xuân</i>	<i>Gặt lá com nếp</i>
Đặc điểm		
Số tiếng trong mỗi dòng thơ	4 tiếng / dòng	5 tiếng/ dòng
Cách gieo vần	Chân	Chân

-Nội dung: Cảm xúc của người con trên đường hành quân ra mặt trận nhớ về mẹ nơi quê nhà khi gặp lá com nếp.

- Bố cục: 2 phần

+ Khô 1,4: *Hoàn cảnh gọi
nhắc người con nhớ về mẹ*

+Khô 2,3: Hình ảnh người mẹ trong kí ức người con.

Văn bản Đặc điểm	<i>Đồng dao mùa xuân</i>	<i>Gặt lá com nếp</i>
Số tiếng trong mỗi dòng thơ		
Cách gieo vần		
Ngắt nhịp		
Chia khổ		



Ngắt nhịp	Linh hoạt biến tấu trên nền nhịp 2/2	Linh hoạt biến tấu trên nền nhịp 2/3	
Chia khổ	9 khổ, trong đó có 2 khổ đặc biệt	4 khổ trong đó có 1 khổ đặc biệt	

II. Khám phá văn bản(46')

1. Hoàn cảnh gọi nhắc người con nhớ về mẹ

Mục tiêu: [4]; [6]

GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp. - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 - Thời gian: 5 phút Họ và tênLớp..... Phiếu học tập số 3 1. Nêu nội dung khổ 1,4 2. Hoàn cảnh để người con thổ lộ tâm tư tình cảm 3. Hoàn cảnh đó đã gọi cho con nhớ đến ai	<u>1. Hoàn cảnh gọi nhắc người con nhớ về mẹ</u> - Hoàn cảnh người con thổ lộ tâm tư tình cảm: + Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá com nếp- một loài cây nhỏ, mọc hoang có hương thơm giống com nếp. + Hương vị của lá com nếp đã gọi cho anh nhớ làn khói xôi

..... 4. Nhận xét cách ngắt nhịp thơ ? * GV chiếu nội dung khổ 1,4 lên màn hình. <i>Xa nhà đã mấy năm</i> <i>Thèm bát xôi mùa gặt</i> <i>Khói bay ngang tầm mắt</i> <i>Mùi xôi sao lạ lòng</i> <i>Cây nhỏ rừng Trường Sơn</i> <i>Hiếu lòng nên thơm mãi</i> Dự kiến tình huống khó khăn: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3 (Tháo gỡ: GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc khổ thơ 1:Hình ảnh bát xôi mùa gặt, khói bếp.. đây là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi gắn với quê hương, với mẹ.) B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:- Quan sát khổ 1,4 bài thơ (GV đã chiếu trên màn hình). - Thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập B3: Báo cáo, thảo luận GV:- Yêu cầu các nhóm HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm. HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS.	bay ngang tầm mắt, thèm bát xôi mùa gặt có hương thơm lạ lòng, từ đó nhớ đến hình ảnh ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa nấu xôi. -Nghệ thuật: ngắt nhịp linh hoạt (2/3; 3/2)
---	---

- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.		
2. Cảm xúc của tác giả nhớ về quê hương về mẹ		
Mục tiêu: [4]; [5]; [6] GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu cảm xúc của tác giả nhớ về quê hương về mẹ HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.		
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) -Đọc diễn cảm những khổ thơ còn lại và nêu nội dung - Thảo luận nhóm (cặp đôi) theo các câu hỏi: Gv phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm. 1.Tìm những dòng thơ kể về người mẹ trong kí ức người con. (Theo gợi ý)		2.Cảm xúc của tác giả nhớ về quê hương về mẹ -Người con rất yêu thương mẹ, thấu hiểu nỗi vất vả và tình cảm mà mẹ dành cho mình, đồng thời người đọc cũng cảm nhận được nỗi xót xa của người con khi đi xa không thể đỡ đần chia sẻ nỗi vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ. -> Tình yêu gia đình hòa với tình yêu quê hương, đất nước. - Nghệ thuật: Thán từ “ôi”, hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm ->bộc lộ tình cảm nhớ thương của người con khi nhớ về quê hương của mình.
Những dòng thơ kể về mẹ	H/ả người mẹ trong kí ức người con	
2.Từ hình ảnh người mẹ cho em thấy hình ảnh người con như thế nào 3.Trong khổ thơ thứ 3 người con thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao những tình cảm, cảm xúc ấy lại cùng trào dâng trong tâm hồn người con khi “ <i>Gấp lá com nếp</i> ”		

4. Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả trong câu thơ thứ 1 trong khổ thơ thứ 3 “ *Ôi mùi vị quê hương*”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

GV:

Dự kiến khó khăn: HS khó đưa ra đầy đủ hình ảnh người mẹ trong kí ức của người con.

(**Tháo gỡ KK** bằng cách gợi dẫn cho hs qua các chi tiết: “*nhặt lá về đun bếp*”, “ *Mẹ ở đâu chiều nay*”

-Dự kiến sản phẩm:

1.

<i>Những dòng thơ kể về mẹ</i>	H/ả người mẹ trong kí ức người con
<i>Mẹ ở đâu chiều nay</i> <i>Nhặt lá về đun bếp</i> <i>Phải mẹ thổi cơm nếp</i>	-Mẹ là người tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình. - Mẹ rất yêu thương các con - Mẹ rất giản dị, mộc mạc chất phác.

2. Người mẹ trong bài thơ, có thể do quê nghèo, do mùa vụ hoặc phải tiết kiệm nên không có rơm hay củi để đun nấu. Mẹ phải đi nhặt lá về đun nấu nên việc nấu còn khó gấp bội....

3. Người con rất yêu thương mẹ, thấu hiểu nỗi vất vả và tình cảm mà mẹ dành cho mình, đồng thời

người đọc cũng cảm nhận được nỗi xót xa của người con khi đi xa không thể đỡ dần chia sẻ nỗi vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ.

4. Thán từ “ôi” kết hợp với danh từ “mùi” “vị” vừa mang nghĩa chỉ hương vị cụ thể riêng có của quê nhà, vừa mang tính trừu tượng chỉ một sắc thái riêng của quê hương. Từ đó bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người con khi nhớ về quê hương của mình.

- Những cụm từ : *Mùi vị quê hương, chia đều nỗi nhớ thương*. Người con nhắc đến mẹ già và đất nước đồng thời khẳng định chia đều nỗi nhớ thương cho cả người mẹ và đất nước. Tình yêu gia đình hòa với tình yêu quê hương, đất nước. Trong trái tim người lính hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên chân thật, gần gũi gắn với hình bóng lam lũ, tần tảo mà tha thiết yêu thương của mẹ.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.
- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.

III. TỔNG KẾT(6')

Mục tiêu: [4], [6]

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.

HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nội dung chính của văn bản “<i>Gặp lá cơm nếp</i>”? ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS. B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau.	1. Nội dung Bài thơ là tình cảm nhớ thương của người con dành cho mẹ và đất nước. Đó là tình cảm thiêng liêng của người con dành cho cội nguồn, cho dân tộc, cho người mẹ kính yêu đã sinh ra và yêu thương mình. 2. Nghệ thuật - Hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm - Cách gieo vần liền đặc sắc - Nhịp thơ ngắt linh hoạt theo từng câu (2/3, 1/4. 3/2)

3. HĐ 3: Luyện tập(10')

a) Mục tiêu: [7] Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Viết đoạn văn từ 5- 7 câu nêu cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “ *Gấp lá com nếp*”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hướng dẫn hs về hình thức đoạn văn lưu ý 5 đến 7 câu
- Nội dung: Cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “ *Gấp lá com nếp*”

HS:Viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Vận dụng(7’)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)

? Em đã thể hiện tình cảm của mình với mẹ kính yêu của mình như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và cho hs nghe câu chuyện về tình cảm của người con dành cho mẹ

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lắng nghe câu chuyện

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, hoặc viết đoạn văn rồi trình chiếu).

HS nộp sản phẩm cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.
- + Đọc thuộc và diễn cảm bài thơ “*Gặp lá com nếp*”
- + Tập làm một bài thơ 5 chữ chủ đề tự chọn.
- + Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc lướt, đọc theo thể văn bản “ *Trở gió*” của Nguyễn Ngọc Tư.

III. Phụ lục

Họ và tên Lớp

Phiếu học tập số 1

I. Tìm hiểu về tác giả Thanh thảo

.....

.....

II. Tìm hiểu về tác phẩm

1. Thể loại

.....

2. Phương thức biểu đạt chính

.....

3. Nội dung

.....

.....

4. Bố cục.

.....

.....

Họ và tên Lớp

Phiếu học tập số 2

	Đồng dao mùa xuân	Gấp lá com nếp
--	-------------------	----------------

Số tiếng trong mỗi dòng thơ		
Cách gieo vần		
Ngắt nhịp		
Chia khổ		

Họ và tênLớp.....

Phiếu học tập số 3

4. Nêu nội dung khổ 1,4

.....
.....
5. Hoàn cảnh để người con thổ lộ tâm tư tình cảm

.....
.....
6. Hoàn cảnh đó đã gợi cho con nhớ đến ai

Ngày soạn:.../.../...

Ngày dạy:.../.../...

BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG (13 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.
- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.
- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

2. Năng lực:

- Bước đầu viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

3. Phẩm chất: Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

- - Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, sống tình cảm, có trách nhiệm với mọi người; hiểu, biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thiên nhiên, con người và cảm xúc thẩm mỹ.
- Tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập để HS trả lời câu hỏi phù hợp;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.
- Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ TRI THỨC

TIẾT 33:

HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Hoạt động 1: Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS
- Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu đối	1. Yêu cầu đối với bài văn

với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Em hãy cho biết khi làm một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học cần phải đảm bảo những yêu cầu nào? + Gv phát PHT số 1, học sinh làm việc nhóm đôi - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học. - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.
---	--

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học theo đúng các bước;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi: + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần? + Chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm? + Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn? + Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học: + Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: Con mèo Gióc-ba. + Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm: To đùng, mập ú. Lông đen óng. Lười nhác.

hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	+ Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: Nghệ thuật xây dựng nhân vật tài tình, khiến nhân vật Gióc-ba được hiện lên sống động, mang tính cách con người nhưng cũng không bị mất đi những nét của chú mèo đáng yêu. + Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật: Qua hình tượng nhân vật Gióc-ba, Tác giả muốn gửi gắm nhiều bài học quý giá: sự trân trọng lời hứa, sức mạnh kì diệu của tình yêu thương, tinh thần bảo vệ kẻ yếu, sống can đảm và giàu khát vọng.
--	--

TIẾT 34,35: THỰC HÀNH

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Hoạt động 1: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- HS biết chọn một nhân vật yêu thích trong một tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc để viết bài văn phân tích theo đúng các bước;
- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước trước khi viết bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm văn học - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, - Đề tìm ý cho bài viết, em cần tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật và đưa ra những suy luận về đặc điểm nhân vật đó: - Khi tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật, em cần chú ý: + Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật	3. Thực hành viết theo các bước <i>Các bước tiến hành</i> a. Trước khi viết - Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm văn học - Tìm ý; - Lập dàn ý.

+ Đặc điểm nhân vật được nhà văn thể hiện gián tiếp qua: các chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật, các chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của nhân vật...

Hồ sơ nhân vật: ...

Cách miêu tả nhân vật	Chi tiết trong tác phẩm
Ngoại hình	
Hành động	
Ngôn ngữ	
Nội tâm	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	
Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật	

+ Sau khi tìm ý thì hướng dẫn học sinh lập dàn ý (PHT số 2)

- Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật, nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.
- Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật và nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:

+ Ý 1

+ Ý 2

+ Ý 3

...

- Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài và chỉnh sửa bài viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

b. Viết bài

c. Chỉnh sửa

+ Gv phát bảng kiểm để học sinh định hướng viết bài văn

+ Gv hướng dẫn thêm về cách viết bài văn

Khi viết bài cần lưu ý:

- Để những nhận xét về nhân vật thuyết phục và có giá trị, cần dựa trên những sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.

- Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.

- Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách chung chung. Cần đưa ra các bằng chứng trong tác phẩm để làm căn cứ cho những nhận xét, suy luận về đặc điểm nhân vật.

+ Học sinh tự rà soát, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo bảng kiểm

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.	Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật em sẽ phân tích.
Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm	Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ, cần bổ sung. Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn từ tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung.
Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn	Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm.
Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật	Đánh dấu câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt. Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.	
---	--	--

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
--	--

TIẾT 36: NÓI VÀ NGHE
TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (ĐƯỢC GỌI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. + GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: - Lựa chọn một vấn đề đời sống có ý nghĩa được gọi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm mà em đã đọc - Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày: + Tìm ý tưởng cho bài trình bày + Tìm thêm thông tin liên quan - Lập đề cương bài nói + GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói: - Tập nói một mình để nắm chắc nội dung trình bày. - Nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói - HS thực hiện nhiệm vụ	1. Chuẩn bị bài nói a. Xác định mục đích nói và người nghe. b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
---	--

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn Hs trình bày bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Nhắc học sinh một số lưu ý</i> + <i>Gv gọi một số học sinh trình bày trước lớp</i> + <i>Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài nói của bạn (có thể dùng nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn)</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Trình bày bài nói a. Người nói - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói. - Bám sát vào mục đích nói - Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị - Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe b. Người nghe - Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn - Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói - Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói

Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN
-----------------------	-------------

	PHẨM
NV: Hướng dẫn HS trao đổi về bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu đánh giá theo bảng kiểm và nhận xét bài nói của bạn</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Gv quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trao đổi - Gv tổ chức hoạt động Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	3. Trao đổi về bài nói

Người nghe	Người nói
Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách: - Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của người nói - Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng - Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng

Bảng kiểm

Bảng kiểm bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài nói có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
Bài nói có thể hiện được tính hấp dẫn, đầy đủ, chính xác của vấn đề được chọn.	
Bài nói có làm rõ những vấn đề được gọi ra từ một nhân vật văn học.	
Các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lí.	
Giọng to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung vấn đề được đề cập.	

Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng nói, nét mặt, cử chỉ hợp lí.	
Sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video...	

BÀI 4: GIAI ĐIỀU ĐẤT NƯỚC (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 4 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.
- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Yêu mến, tự hào về quê hương đất nước.

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

Hoạt động 1: *Tìm hiểu Giới thiệu bài học*

- GV khái quát phần *Giới thiệu bài học* gồm có hai nội dung:
- + Khái quát chủ đề Giai điệu đất nước và nêu thể loại của văn bản đọc chính (thơ).
- + Giới thiệu văn bản đọc kết nối chủ đề.
- GV hướng dẫn HS tự đọc phần *Giới thiệu bài học* SGK tr.89 và yêu cầu HS: *Xác định thể loại văn bản đọc chính và nhận biết sự kết nối giữa các văn bản.*
- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 2: *Khám phá tri thức ngữ văn*

- GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr.89.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
 - + *Tình cảm, cảm xúc trong thơ được hiểu như thế nào?*
 - + *Hình ảnh trong thơ đóng vai trò gì trong việc biểu lộ tình cảm của tác giả ?*
 - + *Ngữ cảnh là gì*
 - + *Nghĩa của từ trong ngữ cảnh là gì?*
- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.
- + Tình cảm, cảm xúc được xem là yếu tố gốc rễ, là cội nguồn để làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình, phân biệt thơ trữ tình với các thể loại văn học khác; Tình cảm, cảm xúc làm nên nội dung chính, nội dung chủ yếu của thơ trữ tình. Tất cả những cảnh sắc, con người, sự kiện,... ngoài đời sống khi đi vào thơ đều trải qua những rung động tâm hồn, những cảm xúc mãnh liệt của người nghệ sĩ. Chính vì thế, đến với thơ, ta không chỉ dừng lại ở bức tranh đời sống được vẽ nên trong tác phẩm mà còn phải đặc biệt chú ý đến những niềm vui, nỗi buồn, những mong muốn, khát vọng của nhà thơ. Tình cảm, cảm xúc trong thơ có thể được bộc lộ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các hình ảnh, biểu tượng,...
- + Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình. Hình ảnh thơ không chỉ có vai trò giúp nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc mà còn là phương tiện để thi sĩ thể hiện những tư tưởng, quan niệm về đời sống
- + Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong VB, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh).
- + Trong giao tiếp, người viết (nói) không dùng những từ, cụm từ riêng lẻ, rời rạc mà thường kết hợp các từ, cụm từ theo những quy tắc ngôn ngữ để tạo thành những phát ngôn có nghĩa. Chính vì thế, để hiểu được nghĩa của một từ, cụm từ, ta phải đặt từ, cụm từ đó trong ngữ cảnh, phải căn cứ vào các từ, cụm từ đứng trước và sau nó.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

VĂN BẢN 1: MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

(Thanh Hải)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.
- Lễ sống cao đẹp của một con người chân chính

2. Về năng lực

- Năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân
- Năng lực chuyên biệt:
 - +Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại: thể loại, hình ảnh thơ đặc sắc, giá trị nội dung và nghệ thuật
 - +Đọc mở rộng văn bản trữ tình hiện đại
 - + Viết: Trình bày những suy nghĩ cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.

3.Về phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên, đất nước, tự ý thức góp một phần công sức nhỏ bé của bản thân bằng những việc làm thiết thực để cống hiến cho quê hương, đất nước.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước (nếu có)...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(3 phút) 1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho HS. - Kích thích HS tìm hiểu về mùa xuân, cảm xúc của người nghệ sĩ về mùa xuân. HĐ cá nhân, HĐ cả lớp. 2. Phương thức thực hiện: - <i>Hoạt động cá nhân, cả lớp</i> - <i>PP nêu vấn đề</i> 3. Sản phẩm hoạt động	

- HS trả lời miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Em hãy kể tên những tác phẩm văn học viết về đề tài mùa xuân? Em thích nhất bài thơ nào? Vì sao em thích?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh tìm hiểu, trả lời:

- Giáo viên: Quan sát hướng dẫn...

- Dự kiến sản phẩm: Mùa xuân chín - Hàn Mặc Tử,
Mùa xuân xanh- Nguyễn Bính...*Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải...*

Mùa xuân luôn là đề tài bất tận của thi ca. Dưới con mắt của các thi sĩ, mùa xuân hiện lên có màu sắc có âm thanh sống động. Em thích nhất bài thơ MXNN bởi nó cho thấy vẻ đẹp mùa xuân cùng cảm xúc của con người ...

***Báo cáo kết quả:** Mùa xuân chín- Hàn Mặc Tử,
Mùa xuân xanh - Nguyễn Bính... Mùa xuân nho nhỏ.

Em thích nhất là bài Mùa xuân nho nhỏ vì bài thơ có âm điệu trong sáng, ngọt ngào, có nhiều hình ảnh thơ đẹp....

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

Mùa xuân luôn là nguồn cảm hứng, đề tài bất tận của thi ca. Dưới con mắt của các thi sĩ, mùa xuân

hiện lên với những màu sắc, dáng vẽ khác nhau. Bức tranh mùa xuân trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải được hiện lên như thế nào, cảm xúc của thi sĩ ra sao bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy ...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (32 phút)

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

1. Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản.

2. Phương thức thực hiện:

- PP: Vấn đáp, thuyết trình, dạy học theo dự án; Kỹ thuật đặt câu hỏi...

- Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp, ...

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập của cá nhân

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

? Giới thiệu vài nét về nhà thơ Thanh Hải và bài thơ Mùa xuân nho nhỏ mà các em đã chuẩn bị?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh lên trình bày...

- Giáo viên quan sát, lắng nghe...

- Dự kiến sản phẩm: Những nét chính về Thanh Hải và bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"

***Báo cáo kết quả: HS lên trình bày**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

I. Giới thiệu:

1. Tác giả:

- Tên thật: Phạm Bá Ngoãn (1930- 1980).

- Quê: Thừa Thiên- Huế.

- Tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ

- Tác phẩm chính: *Những đồng chí trung kiên*

2. Văn bản

a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ:

- <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i> -> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> -GV hướng dẫn đọc: <i>Thể thơ 5 chữ, không ngắt nhịp trong câu, giọng vui tươi, trêu mến; đoạn giữa nhanh; đoạn cuối suy tư, trầm lắng.</i> - GV đọc mẫu đoạn 1, gọi HS đọc tiếp các phần còn lại. ? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ? Từ đó chia bố cục của bài ? * GV gợi ý thêm: <i>Từ cảm xúc về mùa xuân thiên nhiên, đất trời</i> ☐ <i>cảm xúc về mùa xuân đất nước</i> ☐ <i>Ước nguyện trước mùa xuân.</i> HD 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản. ND 1 1. Mục tiêu: Học sinh cảm nhận được bức tranh mùa xuân có màu sắc, đường nét...và tâm trạng của tác giả. 2. Phương thức thực hiện: - PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi... - <i>Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, cả lớp...</i> 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - <i>Học sinh đánh giá lẫn nhau.</i> 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: HD nhóm a. Hình ảnh mùa xuân thiên nhiên được gợi tả qua hình ảnh nghệ thuật nào? Em cảm nhận được gì về bức tranh mùa xuân?	- Viết tháng 11/1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, không lâu sau nhà thơ qua đời b. Đọc – chú thích – Bố cục * Đọc *Chú thích * Bố cục ☐ 4 phần. II. Tìm hiểu văn bản 1. Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời - Nghệ thuật đảo ngữ, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu. =>Bức tranh xuân, cao rộng, thoáng đãng; màu sắc tươi thắm; âm thanh vang vọng. Đó là bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp, thơ mộng, đầy sức sống.
---	---

b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong hai câu thơ cuối đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo bàn -> thảo luận...

- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

- Dự kiến sản phẩm

- Hình ảnh: + **Mọc** giữa dòng sông xanh

+ Một bông hoa tím biếc

+ Con chim chiền chiện...

=> Bức tranh xuân tươi đẹp có sự hài hòa về màu sắc, rộn rã âm thanh, -khỏe khoắn căng tràn sức sống

- NT: Ẩn dụ: Giọt long lanh-> âm thanh tiếng chim chiền chiện ngưng đọng lại long lanh trong ánh sáng mùa xuân

+ Kề hợp với 2 động từ đưa, hứng

-> Tâm trạng say sưa ngây ngất, nâng niu trân trọng vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế.

*** Báo cáo kết quả**

HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

(Trình trên bảng phụ)

*** Đánh giá kết quả**

HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Gv bình: Chỉ với 6 câu thơ, với vài nét phác vẽ đơn sơ mà đặc sắc, bằng những hình ảnh nhỏ nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã gọi lên một lên một bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị

* Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, động từ gợi tả

- Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

=> Cảm xúc say sưa, ngây ngất, thái độ trân trọng trước vẻ đẹp của đất trời mùa xuân.

xứ Huế - quê hương của tác giả. Đặc biệt là âm thanh của tiếng chim chiền chiện – sứ giả của mùa xuân vang ngân lên từng tiếng một, thật trong, thật tròn làm xao xuyến hồn thi nhân để rồi nhà thơ đón nhận với tất cả sự đắm say, trân trọng bằng cả tâm hồn qua hành động “hứng”...

ND2

1. Mục tiêu: Cảm nhận được cảm xúc trước mùa xuân đất nước, mùa xuân cách mạng.

2. Phương thức thực hiện:

- PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kỹ thuật đặt câu hỏi...

- Hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, cả lớp...

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của cặp đôi

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cặp đôi**

a. Hình ảnh mùa xuân đất nước được gợi lên qua hình ảnh thơ nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ấy?

b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?

c. Qua những hình ảnh, nghệ thuật đó em cảm nhận được gì về tâm trạng cảm xúc của nhà thơ?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi

- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

- Dự kiến sản phẩm

- Hình ảnh: + Người cầm súng

2. Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước, Cách mạng

* Hình ảnh đa nghĩa (vừa thực lại vừa có ý nghĩa biểu trưng). Người cầm súng và người ra đồng, họ đi đến đâu mang theo lộc non (may mắn,

+Người ra đồng + Lộc -> Hình ảnh đa nghĩa (<i>vừa thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho hai nhiệm vụ quan trọng của đất nước: chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng đất nước</i>). ... - Điệp ngữ: <i>Tất cả như</i> -Từ láy <i>hối hả, xôn xao</i>; nhịp thơ rộn rã-> Khí thế tung bừng, nhộn nhịp của đất nước vào xuân. - Nhân hóa: <i>Đất nước ...vất vả, gian lao</i> - So sánh: <i>Đất nước như vì sao</i> => Hình ảnh đất nước hiện lên thật gần gũi, bình dị, trường tồn... đồng thời thể hiện niềm tự hào về đất nước, niềm tin vào tương lai của đất nước. *Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm. (Trình trên bảng phụ) *Đánh giá kết quả HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm</i> -><i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> ND3 1. Mục tiêu: Cảm nhận được khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ muốn dâng hiến cho cuộc đời. 2. Phương thức thực hiện: - PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kỹ thuật đặt câu hỏi, khăn phủ bàn... - <i>Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, cả lớp...</i>	<i>hạnh phúc...</i>) đến đó. □ Đem mùa xuân đến cho mọi nơi. * Nhịp thơ hối hả, rộn rã. => Khí thế tung bừng, khẩn trương nhộn nhịp vào xuân. * Hình ảnh so sánh sáng tạo, hình ảnh đẹp, từ ngữ khẳng định. => Sự trường tồn của dân tộc, vẻ đẹp tương lai □ Tình cảm tự hào, mến yêu cuộc sống. 3. Tâm niệm của nhà thơ
---	--

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu hoạt động của nhóm theo tổ 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh đánh giá lẫn nhau. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ nhóm theo tổ a. Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước mùa xuân cách mạng nhà thơ đã bộc lộ nguyện ước gì? b. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo mà nhà thơ sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng? ? Nêu nhận xét của em về điều tâm niệm của nhà thơ? GV phát phiếu HT cho HS * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo tổ -> thảo luận... - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS - Dự kiến sản phẩm - Ước: Ta làm con chim hót Ta làm một cành hoa Ta nhập vào hòa ca/ Một nốt trầm xao xuyến => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước. - NT: Điệp ngữ <i>Ta làm, Dù là</i> Ẩn dụ: <i>mùa xuân nho nhỏ</i> Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc” ⇒ Ước nguyện cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn được cống hiến phần nhỏ bé, tốt	- <i>Ta làm: con chim hót</i> <i>một cành hoa</i> <i>nhập vào hoà ca</i> <i>nốt trầm xao xuyến</i> * Điệp ngữ, có sự chuyển đổi cách xưng hô “ta”, hình ảnh đẹp, lặp lại tạo sự đối ứng chặt chẽ. => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước. <i>Dù là khi tóc bạc</i> * Ẩn dụ “mùa xuân nho nhỏ”; Điệp ngữ “Dù là”;
---	--

<i>đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bên bĩ, cống hiến trọn đời</i> *Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. (Trình trên bảng phụ) *Đánh giá kết quả HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm</i> -> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i> GV bình ND4 1. Mục tiêu: Cảm nhận được khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ muốn cất cao tiếng hát ngợi ca quê hương. 2. Phương thức thực hiện: - PP vấn đáp, thuyết trình, kĩ thuật đặt câu hỏi... - <i>Hoạt động cá nhân, cả lớp...</i> 3. Sản phẩm hoạt động: HS trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: <i>GV đánh giá</i> 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân ? Nhận xét về âm hưởng của đoạn thơ? Tình cảm mà tác giả gửi gắm ở đây là gì? ? Đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của tác giả? * Thực hiện nhiệm vụ	<i>Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”</i> => Ước nguyện dâng hiến nhỏ bé, khiêm nhường không ồn ào, khoa trương... nguyện cống hiến cả cuộc đời cho đất nước -> Điều tâm niệm thật chân thành, tha thiết, bình dị rất đáng trân trọng, ngợi ca. 4. Lời ngợi ca quê hương, đất nước -
--	---

- Học sinh: nghe, hoạt động cá nhân suy nghĩ để trả lời-

- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

- **Dự kiến sản phẩm:**

- Mùa xuân ta xin hát

...

Nhịp phách tiền đất Huế

* Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng

Điệp khúc như lời hát.

=> Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.

* Đặt trong hoàn cảnh ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau thì qua đời -> Lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ của một con người trọn đời đi theo cách mạng trọn đời cống hiến...

***Báo cáo kết quả**

HS lên trình bày suy nghĩ của m?nh.

***Đánh giá kết quả**

HS khác nhận xét, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 3

* **Mục tiêu:** Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

* **Nhiệm vụ:** HS thực hiện yêu cầu của GV

* **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân

* **Yêu cầu sản phẩm:** câu trả lời của HS

* **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

- Khổ thơ cuối mang âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế. Điệp khúc như lời hát.

=> Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.

III. Tổng kết:

HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN(2 phút)

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

- + Đọc yêu cầu.
- + HS làm việc cá nhân.
- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV chốt trên bảng phụ bằng bản đồ tư duy

1 Nghệ thuật :

- Thể thơ năm chữ, làn điệu dân ca miền Trung, âm hưởng nhẹ nhàng tha thiết.
- Hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.
- Cấu tứ bài thơ chặt chẽ.
- Giọng điệu bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả.

2.Nội dung

- Bài thơ thể hiện tâm niệm chân thành, tha thiết mà hết sức khiêm tốn của nhà thơ muốn cống hiến trọn đời cho đất nước.
- Bài thơ là lời kêu gọi, thúc giục mọi thế hệ hãy sống đẹp, có ích cho cuộc đời, cho đất nước.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 PHÚT)

1. **Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài

2. **Phương thức thực hiện:** HĐ cặp đôi

3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

4. **Phương án kiểm tra, đánh giá:**

- HS nhận xét đánh giá
- GV đánh giá.

5. **Cách tiến hành:**

***. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

1. *Nghệ thuật:*

- Thể thơ năm chữ, âm hưởng dân ca xứ Huế
- Hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.

Cấu tứ bài thơ chặt chẽ.

- Giọng điệu bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả.

2. *Nội dung*

- Bài thơ thể hiện tâm niệm chân thành, tha thiết mà hết sức khiêm tốn của nhà thơ muốn cống hiến trọn đời cho đất nước.

- Bài thơ là lời kêu gọi, thúc giục mọi thế hệ hãy sống đẹp, có ích cho cuộc đời, cho đất nước.

3. *Ghi nhớ - SGK 58.*

III. Luyện tập

1. Bài tập 1
2. Bài tập 2

TRAO ĐỔI CẶP ĐÔI (1phút)

Giải thích nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ*

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: thực hiện cá nhân

- Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn

- Dự kiến sản phẩm...

+ Tên bài thơ là một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ.

+ Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ là biểu tượng cho những gì tinh túy nhất, đẹp đẽ nhất của sự sống và của cuộc đời mỗi con người.

+ Thể hiện nguyện ước của nhà thơ muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước của cuộc đời.

+ Thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng.

***Báo cáo kết quả: HS trình bày**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (03 PHÚT)

1. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. **Nhiệm vụ:** HS suy nghĩ , trình bày

3. **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

5. **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

Sau khi học xong văn bản này em có suy nghĩ gì về lễ sống của tuổi trẻ hiện nay?

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Suy nghĩ trả lời.

+ 2 HS trả lời.

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV khái quát (có thể chiếu clip, tranh ảnh thể hiện lễ sống của con người VN, của tuổi trẻ VN hiện nay)

-> nhắc nhở HS lí tưởng sống của bản thân

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(02 PHÚT)

* **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

* **Nhiệm vụ:** Về nhà tìm hiểu, liên hệ.

* **Phương thức hoạt động:** cá nhân.

* **Yêu cầu sản phẩm:** Tìm thêm những câu chuyện, bài thơ, bài hát, nhân vật có lí tưởng, lễ sống cao đẹp.

* **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho Hs:

Viết đoạn văn ngắn (7 dòng) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế?

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà sưu tầm.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

Bài 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN

(12 tiết)

A. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

I. Về năng lực:

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.
- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.
- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ (Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi).
- Năng lực giao tiếp (Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp).

II. Phẩm chất

Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm. (Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền)

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.
- Tranh, video liên quan đến nội dung văn bản truyện.
- Phiếu học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ:

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn:

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

Trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền



c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Bức tranh 1: Con đường gốm sứ của Hà Nội
- Bức tranh 2: Cầu Tràng Tiền, sông Hương xứ Huế
- Bức tranh 3: Cầu Vàng Đà Nẵng
- Bức tranh 4: Thành Phố Hồ Chí Minh

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền

- Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK.
- GV chiếu yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.
- Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: HS quan sát 4 bức tranh, trả lời câu hỏi của GV.

- Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.
- Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.

GV:

- Quan sát và lắng nghe.

B3: Báo cáo thảo luận

- Trả lời câu hỏi của GV.
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

Giáo viên dẫn:

“Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)

Mỗi vùng miền cỏ thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng.

Trong bài học này, những trang tùy bút, tản văn... sẽ mang đến cho em những cảm nhận thú vị về sắc màu cuộc sống trên quê hương xứ sở và trên thế giới rộng lớn, bao la. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu qua chủ đề 5: **Sắc màu cuộc sống**.

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

PHẦN 1: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Văn bản (1)

THÁNG GIÊNG MƠ VÊ TRĂNG NON RÉT NGỌT

(Trích, Vũ Bằng)

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Năng lực:

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút.
- + Bài tùy bút thể hiện dòng cảm xúc của một người con xa quê hồi nhớ mùa xuân của Hà Nội thân yêu. Cái tôi tác giả được thể hiện thông qua các yếu tố như hoàn cảnh sáng tác, những rung động tâm hồn, cách cảm, cách nhìn về khung cảnh mùa xuân.
- + Lời văn của bài tùy bút giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, từ ngữ biểu cảm.
- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tùy bút biểu lộ tình yêu, sự gắn bó tha thiết với quê hương, gia đình của tác giả. Qua những rung động tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm, sức sống con người và hương sắc đất trời Hà Nội - miền Bắc vào tháng Giêng hiện lên như một sự khởi đầu cho dòng hồi tưởng (với mỗi tháng là một khung cảnh, câu chuyện), “sống lại” với quá khứ đầy thương nhớ.

2. Phẩm chất:

Thêm yêu quý cảnh sắc, con người của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu
- Giáo án; ppt;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

- a. **Mục tiêu:** Định hướng học sinh vào nội dung bài học.
- b. **Nội dung:** HS trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS:
- c) **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Những bài hát, tranh, ảnh về mùa xuân; - Điều em thích nhất ở mùa xuân. GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn, tranh, ảnh, nghe một bài hát,... về mùa xuân. GV có thể giới thiệu sơ lược những tín hiệu thẩm mỹ trong bức tranh Chợ hoa đào ở SHS, trang 108 (không khí của Hà Nội khi xuân về, trang phục của phụ nữ,...). Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước. Bước 3. Thảo luận, báo cáo HS trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học. <i>Mùa xuân về làm khơi dậy sức sống trong lòng mỗi người, làm bùng dậy lòng yêu đời, khát khao mãnh liệt về sự sống và tình yêu thương. Vậy trong tâm tưởng của nhà văn Vũ Bằng- người con xa quê thì mùa xuân quê hương mang những nét đẹp nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay. ...</i>	<i>Những bài hát, tranh, ảnh về mùa xuân: học sinh có thể sưu tầm tên bài hát, tranh ảnh...;</i> <i>Điều em thích nhất ở mùa xuân: thời tiết, không khí, chợ xuân, ngày Tết...</i>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (khoảng 30 phút)

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản

Nhiệm vụ 4: Tổng kết

b) Nội dung

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “*Thương nhớ Mười Hai*”.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại

Yêu cầu HS chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tình và ngôn ngữ của bài tùy bút

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản

- **Nội dung 1:** Tìm hiểu không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội và không gian gia đình (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng)
- **Nội dung 2:** Tìm hiểu sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân.
- **Nội dung 3:** Tìm hiểu dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động của lời văn tới người đọc

Nhiệm vụ 4: Tổng kết

Phiếu học tập số 1:

Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân	
Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng)	
- Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình.	
- Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình.	

Phiếu học tập số 2:

Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân	
Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân.	
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân.	
- Nhận xét về sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân.	

Phiếu học tập số 3:

Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc	
Câu hỏi	Câu trả lời

Tác giả đã triển khai bài tùy bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân’ như thế nào?	
Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như <i>mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu</i> . Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?	
Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?	

c) **Sản phẩm:**

- **Nội dung 1:** HS chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tình và ngôn ngữ của bài tùy bút
- **Nội dung 2:**

Phiếu học tập số 1:

Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng)	Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng đầu tháng Giêng: <i>mưa riêu riêu; gió lạnh lạnh; tiếng nhạn kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa; câu hát huê tình, đất trời mang mang; đường sá không còn lấy lợi nữa; cái rét ngọt ngào, chó không còn tê buốt cắn cắn nữa;...</i> Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng sau rằm tháng Giêng: <i>đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác; mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ; bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nền trời trong có những làn sáng hồng;... Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng Giêng trong cái rét ngọt đầu năm được miêu tả giàu sức gợi: <i>đêm xanh biêng biếc, có mưa dầy, nhìn rõ từng cánh sếu bay, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc.</i></i>

- Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình.	<i>nhang trầm, đèn nến, bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên, bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh...</i>
- Nhận xét về không	- Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc

gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình.	trung của miền Bắc. - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết
---	---

Phiếu học tập số 2:

Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân.	- Sức sống của thiên nhiên: <i>ráo rục nhựa sống trong cảnh mai, gốc đào. chồi mận ở ngoài vườn; đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loài nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ;...</i>
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân.	- Sức sống của con người: <i>nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống; nhựa sống ở trong người căng lên; tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn; “sống” lại và thêm khát yêu thương, thấy ai cũng muốn yêu thương; trong lòng như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan; cảm thấy <i>ráo rục một niềm vui sáng sủa;...</i></i>
Nêu nhận xét: Tác động của mùa xuân tới thiên nhiên, con người Cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến.	Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống. Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...

- Nội dung 3:

Phiếu học tập số 3:

Câu hỏi	Câu trả lời
Tác giả đã triển khai bài tùy bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân” như thế nào?	Đầu tiên, tác giả khẳng định: “ai cũng chuộng mùa xuân” - Từ chủ đề này, tác giả đi tìm kiếm “lí lẽ” và “dẫn chứng” để chứng minh lời khẳng định trên.

Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như <i>mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu</i> . Cách viết	- Cuộc sống: tác giả xa quê hương mùa xuân quê hương rất ý nghĩa với riêng người viết (đem đến những đổi thay kì diệu);
---	--

này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?	Cách viết “mùa xuân của Hà Nội thân yêu” cho thấy sự gắn bó sâu nặng và nỗi nhớ, tình yêu của tác giả - người con xa quê - với quê nhà.
Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?	Ví dụ: Với các câu văn: <i>ơ ơ người em gái xoã tóc bên cửa sổ!; Ấy đấy, cái mùa xuân thân thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy; Đẹp quá đi, mùa xuân ơ - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến...</i> HS có thể có những cách cảm nhận khác nhau.

d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “ Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “<i>Thương nhớ Mười Hai</i>”. b) Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện dự án tìm hiểu về tác giả, văn bản. Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các HS khác thực hiện nhiệm vụ. GV điều hành phần trình bày. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: HS trình bày theo nhóm. Bước 4: Kết luận: GV chốt kiến thức trên máy chiếu Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại: a) Mục tiêu	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Vũ Bằng (1913-1984) sinh ra ở Hà Nội, có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí. Tùy bút Vũ Bằng giàu chất trữ tình và chất thơ. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: Miếng ngon Hà Nội (1960), Món lạ miền Nam (1969), Thương nhớ Mười Hai (1972),...,, 2. Tác phẩm <i>Thương nhớ Mười Hai</i> được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc... <i>Thương nhớ Mười Hai</i> có 13 bài tùy bút, gồm 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài về Tết. Bài <i>Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt</i> là bài đầu tiên của tập tùy bút. II. Tìm hiểu văn bản: 1. Mã thể loại:
--	---

HS bước đầu chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tình và ngôn ngữ của bài tùy bút b) Nội dung (b1) Chuẩn bị để trình bày về bài làm của mình trước lớp. (b2) Lắng nghe phần trình bày của các bạn khác, ghi lại những nội dung bạn có kết quả khác với em và tìm nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau đó. Sản phẩm: HS ghi lại được những nội dung mà các bạn khác có kết quả khác với mình, đưa ra nhận định kết quả nào đúng và giải thích tại sao. Ví dụ: - Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Tuy nhiên, một số bạn khác lại xác định đó là nghị luận, tự sự... Cho biết vì sao em chọn biểu cảm (hay nghị luận, tự sự...) d) Tổ chức thực hiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Một số HS trình bày về bài làm của mình khi được GV chỉ định. Các HS khác thực hiện nhiệm vụ (b2). GV điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau đây: <i>Làm thế nào để các em có thể nhận biết được PTBD chính của văn bản ?</i> Hết tiết 1 Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản: Nội dung 1: Không gian mùa xuân và không gian gia đình trước mùa xuân a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng) và chi tiết miêu tả không gian gia đình. b) Nội dung: - GV Tổ chức cho HS HĐ nhóm. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện	Đề tài: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân Phương thức biểu đạt: biểu cảm Tính chất trữ tình: mạch cảm xúc được khơi dậy từ những ấn tượng về không gian Hà Nội - miền Bắc trong nỗi hoài nhớ của tác giả. Ngôn ngữ: giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi. 2. Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân:
--	--

nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút)
- Phát phiếu

B2: Thực hiện nhiệm vụ (phiếu bài tập số 1).

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.
- Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung.

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.
- GV có thể đặt thêm những câu hỏi phụ (chia nhỏ các ý) để HS lần lượt khám phá không gian Hà Nội - miền Bắc vào mùa xuân (Ví dụ: Em hình dung “mưa riêu riêu” là mưa như thế nào? Em cảm nhận “gió lạnh lạnh” khác gió lạnh như thế nào? Thử tưởng tượng “tiếng nhạn kêu trong đêm xanh”. Em đã bao giờ nghe tiếng trống chèo?...).
- GV có thể nêu những câu hỏi phụ, gợi ý HS tìm từ ngữ diễn tả một cách tinh tế bước chuyển đổi của thiên nhiên (Ví dụ: *Nhà văn cảm nhận sự thay đổi của thiên nhiên qua những đối tượng nào? Em có nhận xét gì về những từ ngữ như “hơi phai”, “mùi hương man mác”, “vết xanh tươi”, “làn sáng hồng”,...? Em hình dung thế nào về “đêm xanh biêng biếc”? Tại sao trong đêm vẫn thấy được từng cánh sếu bay?...).*
- GV đặt câu hỏi phụ để gợi ý HS cảm nhận không gian gia đình (Ví dụ: *Khi mùa xuân đến, bầu không khí gia đình được miêu tả như thế nào? Cuộc sống êm đềm thường nhật được thể hiện qua những nét sinh hoạt nào*

của gia

đình?...).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.
- Chốt kiến thức & chuyển dẫn nội dung tiếp theo

GV : Qua việc hỏi tường về những điều có thực trong không gian Hà Nội vào mùa xuân mà mình đã từng trải nghiệm, tác giả đã bộc lộ những cảm nhận tinh tế, tình cảm gần gũi, mến yêu tha thiết với quê hương, gia đình. Đây cũng chính là một trong những nét đặc trưng của thể loại tùy bút.

Nội dung 2: Tìm được những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy trước mùa xuân.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung (phiếu bài tập số 2)**.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Một số HS trình bày về bài làm của mình khi được GV chỉ định. Các HS khác thực hiện nhiệm vụ. GV điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau đây:

GV có thể đưa ra những câu hỏi có tính chất gợi mở như: *Cảm giác của con người có dễ nhận biết không? Làm thế nào để cho người khác cảm thấy được những cảm giác đó của mình?... Sau khi HS đưa những nhận xét về cách tác giả diễn tả cảm giác, GV hướng HS kết nối VB đọc với tri thức ngữ văn, chỉ ra ngôn ngữ bài tùy bút này rất giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi. Hình ảnh được sử dụng trong tùy bút chủ yếu là để diễn tả nội dung cảm xúc.*

GV khơi gợi để HS chú ý hai cách diễn tả thế giới tâm hồn của nhà văn: cách diễn tả cảm giác bằng hình ảnh và cách diễn tả trực tiếp tình cảm (qua các cách

Nhận xét:

- Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.

- Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết

3. Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân:

diễn đạt bằng từ ngữ thể hiện tình cảm như “tôi yêu”, “muốn yêu thương”, “thèm khát yêu thương”). Việc diễn tả thế giới tâm hồn, cảm xúc tạo nên đặc trưng trữ tình của tùy bút.

Bước 4: Kết luận và nhận định:

Giáo viên chốt sau khi lắng nghe ý kiến thảo luận của HS.

Nội dung 3: Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung (phiếu bài tập số 3)**.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Một số HS trình bày về bài làm của mình khi được GV chỉ định. Các HS khác thực hiện nhiệm vụ. GV điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau đây:

Những câu văn nào giống như lời nói thường, như là nhà văn đang chuyện trò với ai đó?

Những câu có chứa lời hô gọi làm cho người đọc có ấn tượng như thế nào?

- Khoảng cách người viết và người đọc sẽ thế nào khi tác

Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.

Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...

4. Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:

- Hình bóng cái tôi tác giả được thể hiện khá rõ trong

giả viết những câu như vậy?... Bước 4: Kết luận và nhận định: - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs. Nhiệm vụ 3: Tổng kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo và thảo luận: HS cáo kết quả, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo Bước 4: Kết luận và nhận định: - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs.	bài tùy bút này. - Từ đó khơi gợi tình cảm, sự gần gũi, đồng cảm của người đọc III. Tổng kết văn bản: 1. Nghệ thuật Lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc Sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá... 2. Nội dung Tình yêu quê hương da diết của tác giả Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa Truyền cho người đọc tình yêu đối với thiên nhiên, mùa xuân, gia đình, quê hương, đất nước.
--	---

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

GV nêu yêu cầu: *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.*

c) Sản phẩm: vở ghi của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- **HS** làm bài tập. **GV** theo dõi, gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc nếu có.
- **GV** yêu cầu một số **HS** trình bày sản phẩm, các HS góp ý, bổ sung. **GV** nhận xét và kết luận:
- + **GV** nhận xét về cách diễn đạt, hành văn, nội dung trình bày trong đoạn văn
- + **GV** kết luận nội dung như mục **Sản phẩm**
- + **GV** nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.

Hoạt động vận dụng (thực hiện ở nhà)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ thực

tiền theo yêu cầu của GV

b. Nội dung: *Nhiệm vụ về nhà:*

Sưu tầm những câu thơ, bài văn viết về mùa xuân(khuyến khích làm thành video hoặc bộ sưu tập hình ảnh về mùa xuân)

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung** và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Tiết 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1.Trước giờ học

**Dấu
câu
và
biện
pháp
tu từ**

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị

-Xem lại kiến thức dấu câu và các biện pháp tu từ đã học

2.Trên lớp

2.1 Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ mở đầu

a.Mục tiêu: thu hút sự chú ý,tạo hứng thú học tập,kết nối với văn bản đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt lớp 6

b.Nội dung:Học sinh thảo luận, trả lời câu hỏi

c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt
-------------------------	---

? Hs ôn lại công dụng của dấu gạch ngang? 2.2 Hoạt động 2: Luyện tập -Chuyên giao nhiệm vụ ? học sinh nêu yêu cầu của bài tập 1/sgk/110 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân -Báo cáo kết quả -Chuyên giao nhiệm vụ ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk/110 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo	I. Ôn tập lí thuyết 1. Công dụng của dấu gạch ngang -Dấu gạch ngang được dùng trong các đầu mục liệt kê, cụm liên danh, đánh dấu phần chú thích, đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. . Các biện pháp tu từ a. So sánh b. Nhân hoá c. Điệp ngữ II. Luyện tập 1. Bài tập 1/sgk/110 - Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích cho nội dung trước đó -Nếu không có cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của các câu văn sẽ không được rõ ràng. 2. Bài tập 2/sgk/111 -Cặp so sánh: đôi mày ai được so sánh với trăng mới in ngần chỉ sự thanh
--	--

nhóm cặp -Báo cáo kết quả	tân,tươi trẻ,dịu dàng. -trời sáng lung linh- so sánh với ngọc chỉ vẻ đẹp trong sáng thanh khiết,có sắc màu ảo diệu. *Chính sự tương đồng này đã tạo ra hiệu quả thẩm mỹ cho câu văn.Đồng thời cho thấy tài năng sáng tạo của tác giả qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ
-Chuyên giao nhiệm vụ ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk /111 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm bàn -Báo cáo kết quả	3. Bài 3/sgk/111 - Biện pháp tu từ nhân hoá + đôi mùa giao tiễn nhau +đồi núi chuyển mình +Sông hồ rung động +vài con ong siêng năng ->tác dụng thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật,thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người.
-Chuyên giao nhiệm vụ ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk /111 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm bàn -Báo cáo kết quả	4. Bài 4/sgk/111 - Biện pháp tu từ điệp ngữ +ai cấm được +đừng thương ->Tác dụng nhấn mạnh cảm xúc của tác giả và tạo nhịp điệu cho câu văn.

Tiết 4,5: Văn bản 2: CHUYỆN CƠM HÉN

**Hoàng Phủ Ngọc
Trường (2 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Năng lực:

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của VB: Tính trữ tình thể hiện ở tình yêu của tác giả đối với món ăn dân dã của quê hương, lòng tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương.
- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tản văn chọn một món ăn bình dân của Huế như là điểm tựa để bàn về văn hoá và việc giữ gìn bản sắc văn hoá trong cộng đồng cư dân. Đây là nét đẹp riêng của văn hoá Huế, của người Huế.

2. Phẩm chất:

Thêm yêu quý cảnh sắc, con người của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu
- Giáo án; ppt;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Định hướng học sinh vào nội dung bài học.

b. Nội dung: HS trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS:

c) Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS: Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết; 2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình. - GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn hoặc một đoạn vi-lốc giới thiệu món ăn, cách chế biến món ăn mang đậm nét văn hoá địa phương (hiện nay trên in-tơ-nét, những vi-lốc dạng này rất được yêu thích). Từ đó, GV gợi ý HS kể tên, giới thiệu món ăn đặc sản quê mình. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước. Bước 3. Thảo luận, báo cáo HS trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học.	Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết; Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (khoảng 30 phút)

Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

I. Giới thiệu tác giả, văn bản.

1. Tác giả:

a, Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được những nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và văn bản “Chuyện cơm hến”

b, Nội dung:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản và đặt câu hỏi
- Học sinh đọc, quan sát sách giáo khoa và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của giáo viên

c, Sản phẩm: là câu trả lời của học sinh.

d, Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên): Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ?. Những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm thông tin HS quan sát sách giáo khoa B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời - HS trả lời câu hỏi của GV B4: Kết luận nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình	 - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 quê Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người trên khắp mọi miền tổ quốc đặc biệt là Huế - Một số tác phẩm chính: Ai đã đặt tên cho dòng sông, Huế- Di tích và con người,...

2. Văn bản

a, Mục tiêu: Giúp HS:

Biết được những nét chung của văn bản (thể loại, phương thức biểu đạt,...)

b, Nội dung:

- GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi, thảo luận nhóm bàn
- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

c, Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

d, Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 1:

- Văn bản “Chuyện cơm hến” thuộc thể loại gì? Dựa vào đâu mà em nhận ra điều đó?
- Phương thức biểu đạt?

- Bố cục?

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ bằng phiếu học tập	- a, Đọc và tìm hiểu chú thích - HS đọc theo hướng dẫn - b, Tìm hiểu văn bản - Văn bản thuộc thể loại tản văn vì nó có lối viết tản mạn, tự do (giống như đang nói chuyện phiếm). Trong văn bản nói về món cơm hến trong cuộc sống đời thường của người Huế từ đó nhà văn liên tưởng đến nhiều chuyện khác qua đó bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân mình - Phương thức biểu đạt: Thuyết minh, biểu cảm - Bố cục 2 phần: Phần 1: Nét riêng trong khẩu vị của người Huế - Phần 2: Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa của nó

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nét riêng trong khẩu vị của người Huế a,

Mục tiêu: Giúp HS:

Tìm được những chi tiết nói về những nét riêng trong khẩu vị của người Huế

b, Nội dung: GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

c, Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hình thành câu trả lời của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 2:

- Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế
- Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào cho thấy điều đó?

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
---------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế B2. Thực hiện nhiệm vụ - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập B3. Báo cáo thảo luận GV yêu cầu học sinh trình bày	- Thích thú với 2 vị mà thiên hạ
---	---

B4. Kết luận và nhận định: - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm - Chốt kiến thức trên mà hình chuyển dẫn sang mục sau	đều sợ đó là đắng và cay + Thích dùng muỗng đắng, đắng một cách tuyệt vời + Thích ăn cay: cay sừng miệng, cay xè lưỡi - Tác giả là người Huế vì thích ăn cay
--	---

2. Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa của nó

Phiếu học tập số 3:

- Nguyên liệu làm cơm hến
- Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế
- Chuyện cơm hến có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quanh món cơm hến
- Theo em tại sao tác giả lại cho rằng (một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa)
- Hình ảnh chợ bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì?

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Phát phiếu học tập số 3 B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập B3: Báo cáo thảo luận GV yêu cầu HS trả lời HS: đại diện nhóm trình bày Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn	- Nguyên liệu: ruột hén, com nguội, miến măng khô,.... - Nguyên liệu, gia vị rẻ, dễ kiếm, mang tính chất bình dân phù hợp với túi tiền của tất cả mọi người - Cách thưởng thức món com hén của người Huế: + Tiêu biểu cho phong cách “ăn cay dễ sợ”, “cay chảy nước mắt” của người Huế + Người Huế đã nâng một món ăn bình dân làm thành nghệ thuật ẩm thực Huế + Lấy điểm tựa là một món ăn của người bình dân bài tản văn - bàn về phong tục tập quán và sự
--	---

B4: Kết luận nhận định - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm - Chốt kiến thức trên màn hình chuyển dẫn sang nhiệm vụ sau	giữ gìn văn hóa truyền thống, sự gắn bó với quê hương - Truyện không chỉ giới thiệu một món ăn hay là cung cấp thông tin về công thức chế biến món ăn. Món cơm hến là cái đề bàn nhiều chuyện khác: + Phong cảnh ẩm thực của người Huế + Tục lệ + Sự thêm cơm hến của tác giả - Di tích văn hóa ghi dấu ấn lịch sử của một thời vì thế để giữ gìn truyền thống văn hóa cần bảo tồn nguyên trạng những nét xưa. Món ăn cũng vậy: Bảo tồn được nét xưa sẽ bảo tồn được truyền thống pha tạp sẽ mất đi hồn cốt như thay bún bằng cơm nguội sẽ mất đi hương vị đặc trưng của cơm hến - Dáng cao gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ => Hình ảnh nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn có cái tươi tắn, dù là người lao động nhưng vẫn giữ cốt cách của cô đô. Bán hàng để mưu sinh nhưng không đặt lợi nhuận lên hàng đầu. Chị và gánh hàng của chị trở thành một nét văn hóa đặc trưng của Huế - Hình ảnh bếp lửa là hình ảnh vừa thực vừa mang tính tượng trưng. Nó tượng trưng
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc? Em cảm nhận như thế nào về cái tôi của tác giả trong truyện? B2: Thực hiện nhiệm vụ	

HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ HS trình bày theo dõi nhận xét và bổ sung B3: báo cáo GV yêu cầu HS trả lời Các cặp trình bày, nhận xét B4: Kết luận, nhận định	- Ngôn ngữ có tính khẩu ngữ - Sử dụng nhiều từ ngữ địa phương - Cái tôi của tác giả khiến bài tản văn khác với các thể loại văn xuôi khác: Nhà văn là người nhạy cảm cảm nhận được những nét đẹp đời thường thể hiện ở việc ông nhận ra vẻ đẹp ẩn trong gánh cơm hến và người bán cơm hến
--	---

III. Tổng kết

B1: Chuyển giao nhiệm vụ Nêu cách sử dụng từ ngữ trong văn bản Nội dung chính của văn bản B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân 2 phút và ghi ra giấy GV hướng dẫn theo dõi, quan sát HS (nếu HS gặp khó khăn) B3: Báo cáo và thảo luận HS báo cáo kết quả, HS khác theo dõi và nhận xét, bổ sung cho bạn GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo B4: Kết luận và nhận định Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS	1. Nghệ thuật: - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ đôi khi hài hước, sử dụng nhiều từ ngữ địa phương - Sử dụng hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng 2. Nội dung: - Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa - Truyền cho người đọc tình yêu, lòng tự hào về nền văn hóa ẩm thực Huế.
--	--

Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em đang sống?

c) Sản phẩm: vở ghi của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- HS làm bài tập. GV theo dõi, gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc nếu có.

- GV yêu cầu một số HS trình bày sản phẩm, các HS góp ý, bổ sung. GV nhận xét và kết luận:

+ GV nhận xét về cách diễn đạt, hành văn, nội dung trình bày trong đoạn văn

+ GV kết luận nội dung như mục Sản phẩm

+ GV nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.

Hoạt động vận dụng (thực hiện ở nhà)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà:

Sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao nói về những sản vật của quê hương Hà Nam

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Tiết 6: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

1. TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị

- Xem lại kiến thức về từ ngữ địa phương đã được học ở lớp dưới

- Đọc tri thức ngữ văn

2. TRÊN LỚP

2.1 Hoạt động 1: Xác định vấn đề/mở đầu

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối với văn bản đọc và kiến thức tiếng Việt đã học.

b. Nội dung: HS thảo luận và trả lời câu hỏi để xác định vấn đề của bài học

c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt.
-------------------------	---

* Chuyển giao nhiệm vụ:GV yêu cầu hs trả lời theo cá nhân -Đã bao giờ việc sử dụng từ ngữ địa	-Sản phẩm + Câu chuyện của học sinh +Rất cần thiết,nó làm cho cách diễn đạt
---	--

phương làm em gặp khó khăn chưa? Hãy thuật lại trường hợp đó? -Theo em việc sử dụng từ ngữ địa phương có cần thiết không? * Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ làm việc cá nhân * Báo cáo nhiệm vụ GV kết nối với bài học	phong phú hơn phù hợp với văn hoá vùng miền.
--	---

2.2 Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.

- Mục tiêu: HS nhận biết được, phân tích được đặc điểm của từ ngữ địa phương và thực tế sử dụng từ ngữ địa phương hiện nay.
- Nội dung :HS đọc SGK, thảo luận nhóm suy nghĩ trả lời câu hỏi để nhận biết từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương.
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của hs và sản phẩm cần đạt
+Chuyển giao nhiệm vụ :GV yêu cầu hs đọc phần tiếng Việt trong tri thức ngữ văn? Đọc nội dung phần thẻ màu vàng thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi -Thế nào là từ ngữ địa phương - Sử dụng từ ngữ địa phương có tác dụng gì? -Các từ ngữ địa phương có đặc điểm gì ? -Cần lưu ý những gì khi sử dụng từ ngữ địa phương ? +Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân +Báo cáo kết quả	1. Nhận biết từ ngữ địa phương - HS trả lời - Sản phẩm + Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định. + Từ ngữ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ cộng đồng. + sử dụng từ ngữ địa phương không gây khó hiểu cho người đọc người nghe và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

2.3 : Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Hs hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp với việc sử dụng từ địa phương trong nói viết và trong giao tiếp xã hội.
- Nội dung HS làm bài tập SGK
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
------------------	--------------------------------------

-Chuyển giao nhiệm vụ Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 1(nhóm cặp) -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo sản phẩm.	1. Bài tập 1/sgk/116 - Sản phẩm: Từ ngữ địa phương: thầu,vịm,trọc,o Vì tìm được những từ toàn dân tương đương. 2.Bài tập 2/sgk/116 -Sản phẩm	
-Chuyển giao nhiệm vụ	Từ ngữ địa	Từ ngữ toàn dân

Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 2(nhóm bàn) -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo sản phẩm. -Chuyển giao nhiệm vụ Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 3(cá nhân) -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo sản phẩm. -Chuyển giao nhiệm vụ Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 4(nhóm bàn) -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo sản phẩm.	phương -lạt -Duống -xắt -đậu phụng -vị tinh -Thầu	-Nhật -Đưa xuống -thá -lạc -bột ngọt - dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to
	3.Bài tập 3/sgk/116 -Sản phẩm:Tác giả sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí,sắc thái riêng của người Huế góp phần tạo ấn tượng sâu đậm về Huế và văn hoá Huế. 4.Bài tập 4/sgk/116 Từ ngữ địa phương Từ ngữ toàn dân -mướp đắng -lợn -mẹ -lạc -bố -tía	

--	--

2.4 Củng cố kiến thức

- a.Mục tiêu: củng cố kiến thức trong bài học
- b. Nội dung :Viết đoạn văn 5-7 câu chủ đề tự chọn có sử dụng từ ngữ địa phương . c Tổ chức thực hiện

Tiết 7: Văn bản (3)

HỘI LỒNG TÔNG

(Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Năng lực:

- HS nhận ra được văn bản thông tin về đề tài lễ hội
- Nhận biết được nét đặc sắc văn hoá của lễ hội Lồng Tồng - một lễ hội xuống đồng ở Việt Bắc
- Biết lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm của lễ hội
- Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp văn hoá vùng miền trong văn bản
- Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

2. Phẩm chất

- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mỹ trước những nét đẹp truyền thống của từng vùng miền

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung:** HS nghe nhạc, xem đoạn phim, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe) GV tiến hành cho HS xem video về lễ hội Lồng tồng GV khích lệ HS:

- Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc những hình ảnh trong lễ hội
- Kể thêm về lễ hội mà em biết hoặc từng tham gia

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản

a. **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hội Lồng Tồng*”.

b. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: đề tài, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục...

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Khám phá chung văn bản	

NV1: Tìm hiểu về tác giả, Văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn	1. Tìm hiểu chung về văn bản : a. Tác giả: - Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất từ 2. Văn bản: * Thể loại: Văn bản thông tin - *Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh
--	--

sang mục 2.	
NV2: Tìm hiểu về chú thích và bố cục văn bản: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *GV yêu cầu HS Giải thích một số từ khó trong SGK *GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng; chú ý đọc đúng lời các bài hát(lượn) Tìm bố cục , đề tài của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; 2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản	-* Đọc và tìm hiểu chú thích Giải thích các từ: Lòng tông, Việt Bắc, ném còn, hát lượn..... - Đọc văn bản : *- Bố cục: P1: Từ đầu đến “<i>múa sư tử và lượn Lòng tông</i>”;Giới thiệu khái quát về hội Lòng Tông P2: Từ “<i>Trò chơi ném còn...</i>” đến “<i>...cuộc vui tiếp tục</i>”;Giới thiệu về trò chơi ném còn P3: Từ “<i>Múa sư tử.</i>” đến “<i>đo tài với đối phương</i>”: Giới thiệu về trò múa sư tử P4: Còn lại: Giới thiệu về hoạt động hát lượn * Đề tài - Văm hoá truyền thống vùng miền

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu miêu tả lễ hội truyền thống Hội Lòng Tông

- b. Nội dung:** GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu Ý nghĩa. đặc điểm của lễ hội

PHIẾU HỌC TẬP 01: NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Nhiệm vụ			
1) Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức			
2) Phần cúng tế - lễ			
3) Phần vui chơi- hội			

PHIẾU HỌC TẬP 02:
NHIỆM VỤ CỦA CÁC
NHÓM:

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Nhiệm vụ	TRò chơi ném còn	Trò chơi múa	Hoạt động

		sự tử	hát- lượn
Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thế nào			
2) Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người			
3) Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội?			

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá chi tiết văn bản	

Thao tác 1: Giới thiệu khái quát về lễ hội Lồng Tồng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

- GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ VB, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:

1) *Tìm những câu văn giới thiệu về lễ hội?* GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 01:**

1-Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức

2) Phân cụng tế -lẽ

3) Phần vui chơi- hội

- Thời gian làm việc nhóm: 05 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc theo nhóm theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

1/Giới thiệu khái quát về lễ hội

Lồng Tồng

Hội làng tổng được tổ chức ở vùng Việt Bắc từ sau Tết Nguyên đán đến Tết Thanh minh

Trong những ngày hội lòng tòng, dân làng mang cỗ đến cúng Thần Nông và Sau lễ cúng người ta ăn cỗ với thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, loại rượu làm từ các sản phẩm nông nghiệp

-Tiếp đó là phần hội với các hoạt động như kéo co, thi bắn, ném còn, múa sư tử và lượn lồng tồng,

	đáng chú ý nhất là các trò ném còn, múa sư tử và lượn lồng tồng...
--	--

Thao tác 2: Tìm hiểu mục đích của việc mở lễ hội và tục thờ thần nông của người Tày, Nùng

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- Trình bày ý nghĩa của việc mở lễ hội?
- Sản vật cúng lễ có liên quan gì tới tục xuống đồng và tục thờ thành hoàng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

Làm việc cá nhân, kỹ thuật viết tích cực

Bước 3: Báo cáo

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.
- Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2;

Thao tác 3: Tìm hiểu các hoạt động của lễ hội

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 02:**

1/ Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thế nào
2) Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người

3/ Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội ?

- Thời gian làm việc nhóm: 05 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc theo nhóm theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

?Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc.

Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?

- Trong câu văn “Lượn, tiếng nói tình yêu,

- Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan tới tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông là:

+ Lồng tồng tiếng Tày – Nùng có nghĩa là xuống đồng.

+ Thần thành hoàng làng của đồng bào Tày – Nùng là Thần Nông.

+ Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường.

=> Do đó các vật phẩm cúng tế sẽ là các sản phẩm được sản xuất từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như: thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, các loại rượu...

2. Những hoạt động của cư dân trong phần hội Lồng Tồng

tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc” người viết đã thể hiện thái độ tôn trọng, trân trọng đối với nét văn hóa của vùng Việt Bắc, của đồng bào Tày – Nùng. Đồng thời, tác giả cũng cho rằng đây là nét văn hóa đáng quý, là bản sắc của người dân cần được giữ gìn và phát huy.	Những hoạt động nào cư dân trong phần hội miêu tả trong phần hội là: thi ném còn, thi múa sư tử, lượn lồng tồng... -Những hoạt động đó biểu thị con người có phẩm chất và khả năng: sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh. Thông qua tổ chức lễ hội lồng tồng người dân gửi gắm mong ước sẽ có mùa màng bội thu, dân làng được bình an, may mắn, tốt lành.
---	---

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút đề yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản. ? Em rút ra bài học nào khi đọc hiểu tác phẩm là tiểu thuyết ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV): - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.	1. Nghệ thuật Sử dụng phương pháp thuyết minh, cung cấp tti thức khách quan. - Ngôn ngữ kể chuyện sinh động, cách miêu tả chân thực dễ hiểu 2. Nội dung – Ý nghĩa Văn bản đã khắc hoạ ấn tượng về đẹp lễ hội truyền thống và con người Tày , Nùng vùng quê Việt Bắc vừa gần gũi, mộc mạc , hồn nhiên, vừa mạnh mẽ,sáng tạo .. Văn bản đã bồi đắp cho mỗi chúng ta tình cảm yêu mến nét đẹp văn hoá của dân tộc Việt Nam

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức trong bài học,

- b. Nội dung:** Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Long Tông của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học
- c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Long Tông của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học

- Kỹ thuật : viết tích cực

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút.
GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

- HS viết, giáo viên gọi học sinh đọc, gọi học sinh khác nhận xét

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

b. Nội dung:

? Hãy trình bày ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương khác mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì về lễ hội đó?

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Hãy trình bày ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương khác mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì về lễ hội đó?

GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”, kỹ thuật công não; HS làm việc cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.
GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

1, Trước giờ học

**P
H
À
N
2
:
V
I
Ế
T
(
T
i
ế
t
8
,
9
,
1
0
)**

GV hướng dẫn học sinh Hoàn thành phiếu học tập.

Văn bản tường trình được viết trong hoàn cảnh nào.....

Văn bản tường trình gồm mấy phần.....

Trình bày văn bản này cần lưu ý những gì

2. Trên lớp

2.1 Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập

-Thu hút sự chú ý,tạo hứng thú học tập.kết nối hiểu biết của học sinh với những bài học trước.

-Nội dung : Học sinh có thể kể lại ngắn gọn một tình huống trong cuộc sống của mình hay đã gặp.

2.2 Hoạt động 2 Hình thành kiến thức

-Mục tiêu giúp học sinh hình thành kiến thức kĩ năng để viết văn bản tường trình đúng thể thức.

-Nội dung:Tìm hiểu cách thức viết văn bản tường trình

-Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt
1.Những lưu ý khi viết văn bản tường trình	
Yêu cầu học sinh trình bày nội dung đã chuẩn bị theo phiếu học tập. HS làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi.Theo em thì trong những hoàn cảnh hay tình huống nào người ta cần sử dụng văn bản tường trình? Việc viết tường trình nhằm mục đích gì? EM đã bao giờ viết tường trình chưa? GV nhận xét và dẫn dắt vào bài .	- Hs trình bày - Sản phẩm: Phiếu học tập có phần trả lời các câu hỏi. -Bản tường trình là loại văn bản được sử dụng khi có một sự việc gây hậu quả xấu xảy ra -Mục đích của văn bản này là để trình bày một cách rõ ràng sự việc diễn ra trong đó nêu được mức độ trách nhiệm của mình
2. Phân tích bài viết tham khảo B1 Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu hs làm việc theo nhóm qua phiếu học tập đer phân tíc bài viết tham khảo Dựa vào phiếu học tập GV yêu cầu HS phân tích câu hỏi trong sách giáo khoa -Nêu nhậ xét về việc tuân thủ thể thức văn bản tường trình trong văn bản trên. -Vì sao bản tường trình có tên gọi và phải ghi đầy đủ thời gian,địa điểm,người viết tường trình. -Khi viết tường trình nội dung nào cần ghi cụ thể,chi tiết. * Thực hiện nhiệm vụ * Báo cáo kết quả	-HS làm việc theo nhóm trao đổi và trình bày. -Sản phẩm phiếu học tập đã hoàn thành -HS trao đổi trình bày kết quả -Sản phẩm + Văn bản đã tuân thủ thể thức của một văn bản tường trình. + Tường trình phải có tên gọi và ghi đủ thời gian địa điểm,người viết tường trình vì đây là bằng chứng để đánh giá một vụ việc. +Diễn biến của vụ việc cần được ghi lại chi tiết. -Sản phẩm thể thức của tường trình

GV Qua việc phân tích bản tường trình	trong SGK trang 120
---------------------------------------	---------------------

tham khảo nêu thể thức của bản tường trình. GV Yêu cầu học sinh đọc thể thức của bản tường trình trong sách giáo khoa trang 120.	
3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập vận dụng Mục tiêu: Hs viết được bản tường trình của một vụ việc xảy ra với mình hoặc được chứng kiến. b.Nội dung:HS trả lời và câu hỏi và thực hiện các bước của quy trình viết. c.Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt
1.Trước khi viết	
*. Chuyển giao nhiệm vụ:GV giao nhiệm vụ cho hs: Viết bản tường trình về vi phạm nội quy của lớp học hay vi phạm nội quy của nhà trường. a.Xác định mục đích viết và người đọc -GV yêu cầu hs làm việc cá nhân xác định mục đích viết và người đọc trước khi viết tường trình xảy ra với chính mình hoặc chứng kiến. * Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả b.Lựa chọn nội dung để viết tường trình -GV yêu cầu HS hình dung lại sự việc đã xảy ra để ghi lại tường trình GV phỏng vấn 5 đến 7 học sinh về tên gọi của tường trình -Gv mời một số hs khác góp ý và Gv góp ý cho tên tường trình	-HS suy nghĩ trả lời -Sản phẩm: + Mục đích viết là ghi chép trung thực nội dung diễn biến của sự việc nhằm xây dựng hồ sơ tin cậy về một vụ việc nào đó. + Người đọc: Tất cả những người liên quan đến sự việc,những cơ quan cá nhân có liên quan muốn nắm bắt thông tin về vụ việc đã xảy ra. -HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ -Sản phẩm:Tên bản tường trình mà học sinh chuẩn bị viết.
2.Viết tường trình	

Chuyển giao nhiệm vụ:GV Yêu cầu Hs làm việc cá nhân đọc sách giáo khoa và nêu một vài điểm cần lưu ý khi viết tường trình. Thực hiện nhiệm vụ Hs suy nghĩ trả lời *Báo cáo kết quả -GV nhắc lại những yêu cầu,lưu ý khi viết tường trình.	-Học sinh đọc SGK,suy nghĩ và trình bày. -Hs viết tường trình
---	---

-GV yêu cầu học sinh viết tường trình.	
3.Chỉnh sửa biên bản	
Gv yêu cầu hs chỉnh sửa tường trình theo cặp(chỉnh sửa lẫn nhau)dựa trên gợi ý chỉnh sửa SGK trang 123	-Hs đọc bảng gợi ý chỉnh sửa tường trình -Hs dùng bút màu để đánh dấu và chỉnh sửa tường trình của mình và của bạn. -Hs trình bày kết quả chỉnh sửa tường trình.

4. Củng cố kiến thức.

- Mục tiêu: HS hiểu được tình huống nào cần làm tường trình
- Nội dung:trình bày một bản tường trình đúng thể thức
- Tổ chức thực hiện

PHẦN 3: NÓI VÀ NGHE (Tiết 11,12)

Trình bày ý kiến về một vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại

1.Trước khi nói

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị Học sinh mang bài viết đã viết về chủ đề Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm **2.Trên lớp**

2.1 Hoạt động 1 Xác định vấn đề /mở đầu

- Mục tiêu: HS nắm được nội dung của dự án “ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”
- Nội dung: HS trình bày lại ý tưởng của dự án
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
- Chuyển giao nhiệm vụ:GV Yêu cầu hs trình bày mục tiêu,ý nghĩa của dự án“ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm” -GV yêu cầu các nhóm trưởng lên báo cáo tiến độ thực hiện dự án của mỗi nhóm. * Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trao đổi * Báo cáo kết quả	-HS trình bày về dự án đã được thực hiện.

2.2 Hoạt động 2: Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Hs thảo luận được giải pháp để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương.
- Nội dung: HS trình bày thảo luận về giải pháp để bảo tồn c

c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs và sản phẩm cần đạt
1. Trước khi nói	

a.Xác định mục đích nói và người nghe * Chuyển giao nhiệm vụ :GV mời một số hs chia sẻ việc xác định mục đích nói và nghe khi thảo luận về giải pháp để bảo tồn “ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm” Thực hiện nhiệm vụHS suy nghĩ trao đổi *Báo cáo kết quả	-Sản phẩm + Mục đích nói: đi tìm một giải pháp tối ưu,khả thi có thể thực hiện được ngay để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá truyền thống của của địa phương. +Người nghe:Những người có chung mối quan tâm và mong muốn được cùng ta thảo luận vấn đề.
b.Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện Chuyển giao nhiệm vụ:GV chiếu phiếu đánh giá theo tiêu chí thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá truyền thống của địa phương -GV hướng dẫn học sinh phân tích kĩ từng tiêu chí và mức điểm của mỗi tiêu chí. Thực hiện nhiệm vụ:Hs trao đổi theo nhóm để chuẩn bị trình bày. * Báo cáo kết quả	-HS phân tích phiếu đánh giá theo tiêu chí
2.Trình bày bài nói	
-GV mời đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của dự án. +Nhóm 1,2,3 thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá của địa phương (Nhiệm vụ giả sử em là trưởng ban văn hoá của huyện,xã em hãy trình bày giải pháp để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương) + Nhóm 4,5,6 thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá của địa phương(Nhiệm vụ nêu em là một thành viên của ban giám hiệu nhà trường em hãy trình bày giải pháp để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương)	-Đại diện các nhóm trình bày bài nói và thảo luận về giải pháp trước lớp. -HS khác lắng nghe đánh giá kết quả trình bày vào phiếu cá nhân. -Học sinh thống nhất đánh giá theo nhóm.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)

1.Đưa ra được thực	Chưa đưa ra được thực	Đưa ra được thực trạng	Đưa ra
--------------------	-----------------------	------------------------	--------

trạng của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương	trạng của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương	của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương	được thực trạng thuyết phục của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương
2.Đề xuất được giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân	Chưa đề xuất được giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân	Đề xuất được một số giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân	Đề xuất được một số giải pháp rất hợp lý để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân
3.Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả	Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ chưa phù hợp với nội dung trình bày	Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày	Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ

			phù
--	--	--	-----

			hợp với nội dung trình bày và thuyết phục chuyên nghiệp
4.Sử dụng các phương tiện hỗ trợ(tranh ,ảnh,video...) khi trình bày.	Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ(tranh ,ảnh,video...) khi trình bày.	Có sử dụng một vài phương tiện hỗ trợ(tranh ,ảnh,video...) khi trình bày.	Có một vài phương tiện hỗ trợ hợp lý thuyết phục khi trình bày.
5. Trao đổi với nhóm khác có hiệu quả	Không trao đổi với người nghe hoặc trao đổi chưa đúng vào nội dung thảo luận	Trao đổi với người nghe tương đối rõ về nội dung thảo luận	Trao đổi với người nghe về nội dung thảo luận một cách rõ ràng thuyết phục.
TỔNG ĐIỂM .../10 ĐIỂM			

3.Sau khi nói.

Trao đổi về bài nói theo gợi ý trang 125 SGK

